TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 31- 01 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc
Ông Thái Trung Nghĩa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số: 140/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973; Địa chỉ liên hệ: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; Địa chỉ liên hệ: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1972; (có mặt)
Bà Dương Thị T1, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 của nguyên đơn ông Trần Đại H cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày: Vào năm 2016 ông Trần Đại H có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1 thông qua hợp đồng mua bán nhưng vì thời gian lâu nên thất lạc. Bên cạnh đó ông H giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên "Anh K". Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 05/03/2016 bên ông

H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông K và bà T1. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông K và bà T1 hoặc người nhà của ông K đến lấy hàng tại kho của ông H. Ông K và bà T1 tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông K và bà T1 phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông K và bà T1 vẫn không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị ông bà thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông K và bà T1. Sau khi nhận hàng ông K và bà T1 không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông K và bà T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể đến cuối vụ tôm ông K và bà T1 không thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Đến ngày 29/10/2019 thì phía ông K và bà T1 trả tiền lần cuối là 5.000.000 đồng và không gửi trả lần nào nữa. Theo đó ông K, bà T1 còn nợ ông H số tiền là 39.432.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông K và bà T1 trả tiền hàng còn nợ cho ông H nhưng đến nay ông K và bà T1 vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông K và bà T1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết: Buộc ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1 trả cho ông H số tiền nợ gốc là 39.432.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/39.432.000 đồng tính từ 07/02/2020 đến ngày 07/06/2022 (bao gồm 02 năm 04 tháng) là 9.200.000 đồng (*Chín triệu hai trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng là 48.632.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*) và tiếp tục tính lãi từ ngày Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1 thanh toán nợ cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền nợ thức ăn là 39.432.000 đồng. (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) đối với tiền lãi không yêu cầu.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn ông Bùi Văn K trình bày: Ông K thừa nhận là vợ chồng ông có nợ tiền thức ăn của nguyên đơn với số tiền 39.432.000 đồng đúng như nguyên đơn khởi kiện, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ, nếu khi nào ông K bán được đất ông K sẽ trả ngay số tiền 39.432.000 đồng còn hứa thời gian trả ông K không hứa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T1, nhưng bà T1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu

cầu khởi kiện của ông H. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà T1 hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công Ki chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho bà T1 biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công Ki chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà T1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn K chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn T1 chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ 39.432.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Dương Thị T1 đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T1.

[2] Về nội dung vụ án: Vào năm 2016 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho các bị đơn, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông K, bà T1 hoặc người nhà ông K đến lấy hàng tại kho của ông H, khi kết toán lại thì ông K và bà T1 còn nợ ông H số tiền 39.432.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn K thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 39.432.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất cho nguyên đơn, thấy rằng việc đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn K trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán nợ, khi nào ông K bán được đất thì sẽ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn ngay. Tuy nhiên, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông K và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1.

Buộc các bị đơn ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 39.432.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông K và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Bùi Văn K và bà Dương Thị T1 phải liên đới cùng chịu án phí là 1.971.600 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.215.000 đồng (một triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004406 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng